

Phụ lục I. Tổng hợp các hạng mục công trình thuộc Khu đô thị mới số 4
(kèm theo Quyết định số: 1627/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Quy mô		Ghi chú
	Công trình		Chiều dài (m)		
I	Trong khu vực phát triển đô thị				
1	Công trình và hạ tầng kỹ thuật		530		
	Đường Chính khu vực 17		530		Quy hoạch
2	Hạ tầng xã hội	4,61			
2.1	Trường liên cấp	1,21			Quy hoạch
2.2	Công viên cây xanh	3,40			
2.2.1	Công viên cây xanh 1	0,46			Quy hoạch
2.2.2	Công viên cây xanh 2	0,27			Quy hoạch
2.2.3	Công viên cây xanh 3	2,20			Quy hoạch
2.2.4	Công viên cây xanh 4	0,47			Quy hoạch
3	Khu ở KP Đông Thành (ĐO-HH) 1	6,41			Quy hoạch
4	Đất công trình hành chính cấp đơn vị ở	0,07			Hiện hữu
II	Ngoài khu vực phát triển đô thị		800		
1	Chính khu vực 25 (lộ giới 22m)		730		Quy hoạch
2	Đường DT.743A		70		Hiện hữu cải tạo mở rộng



Phụ lục II. Kế hoạch thực hiện các hạng mục giao thông và hạ tầng kỹ thuật đi kèm
(kèm theo Quyết định số: 1627 /QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên hạng mục đầu tư phát triển đô thị	Khối lượng			Đơn giá xây dựng		Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức đầu tư	Nguồn vốn	Ưu tiên
		Diện tích (ha)	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)							đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-3)
I	Trong khu vực phát triển đô thị	1,37	530	26,0			24.717				
I	Chính khu vực 17	1,37	530	26,0	46.635	triệu đồng/km	24.717	2025-2030	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thuộc dự án KVP.TDT	1
II	Ngoài khu vực phát triển đô thị	1,62	730	22,0			34.417				
I	Chính khu vực 25	1,62	730	22,0	46.635	triệu đồng/km	34.417	2025-2030	Nhà nước giải phóng mặt bằng và nhà đầu tư đầu tư xây dựng	Ngân sách nhà nước hoặc huy động vốn từ nhà đầu tư KVP.TDT	1
	Tổng	1,50	1.826,7				59.134				



Phụ lục III. Kế hoạch thực hiện các hạng mục hạ tầng xã hội.
(kèm theo Quyết định số: 1627/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên hạng mục	Diện tích (ha)	Quy mô sản dự kiến (ha)	Đơn giá xây dựng		Thành tiền (triệu đồng)*	Giai đoạn thực hiện	Hình thức đầu tư	Nguồn vốn	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp
1	Công trình giáo dục	1,21				82.018				
	Trường liên cấp	1,21	2.040 hs	40.205	1.000 đồng/học sinh	82.018	2025-2030	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thuộc dự án KVP.TĐT	1
2	Công viên cây xanh	3,40				34.000				
2.1	Công viên cây xanh 1	0,46	0,46 ha	10	10 tỷ đồng/ha	4.600	2025-2030	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thuộc dự án KVP.TĐT	1
2.2	Công viên cây xanh 2	0,27	0,27 ha	10	10 tỷ đồng/ha	2.700	2025-2030	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thuộc dự án KVP.TĐT	2
2.3	Công viên cây xanh 3	2,20	2,20 ha	10	10 tỷ đồng/ha	22.000	2025-2030	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thuộc dự án KVP.TĐT	2
3.4	Công viên cây xanh 4	0,47	0,47 ha	10	10 tỷ đồng/ha	4.700	2025-2030	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thuộc dự án KVP.TĐT	1
	TỔNG CỘNG	4,61				116.018				



Phụ lục IV. Kế hoạch thực hiện các hạng mục nhà ở.
(kèm theo Quyết định số: 1627/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên hạng mục	Diện tích (ha)	Quy mô sản phẩm (ha)	Đơn giá xây dựng		Thành tiền (triệu đồng)*	Giai đoạn thực hiện	Hình thức đầu tư	Nguồn vốn	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp
	Nhà ở hỗn hợp KP Đông Thành (ĐO-HH) 1	6,41	41,67	12.739	1.000 đồng/m ² sản phẩm	5.307.704	2025-2030	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thuộc dự án KVP.TĐT	1
	TỔNG CỘNG	6,41				5.307.704				

Ghi chú:

* Đơn giá được tính toán theo Suất vốn đầu tư tại Quyết định 409/QĐ-BXD ngày 11/4/2025.

Đơn giá xây dựng công viên cây xanh tham khảo theo chi phí xây dựng công viên cây xanh trong đề án Cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

